

Văn hoá Sa Huỳnh

(Đôi nét giới thiệu

nhân dịp kỷ niệm 1 thế kỷ phát hiện và nghiên cứu)

TS. VŨ QUỐC HIẾN*

1- Sa Huỳnh là một nền văn hoá cổ, được các nhà khảo cổ đặt tên theo địa danh- nơi di tích được phát hiện đầu tiên.

Một tin ngắn do bà Vinet (nhân viên thuế quan ở tỉnh Quảng Ngãi thời đó) thông báo về việc phát hiện những quan tài bằng gốm ở đầm Muối Sa Huỳnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đăng trong phần biên niên của tập san Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp vào năm 1909 (BEFEO, 1909, tập 9, trang 413) đã trở thành mốc dấu mở đầu cho việc nghiên cứu về một nền văn hoá cổ nổi tiếng: văn hoá Sa Huỳnh. Như vậy, tính đến nay- năm 2009, văn hoá Sa Huỳnh đã có lịch sử 100 năm phát hiện và nghiên cứu.

2- Đa số các nhà nghiên cứu thống nhất chia lịch sử nghiên cứu văn hoá Sa Huỳnh ra làm 3 giai đoạn.

- Giai đoạn từ khi phát hiện đến năm 1954.

Các nghiên cứu thuộc giai đoạn này chủ yếu do các học giả người Pháp của Bảo tàng/Trường Viễn Đông Bác Cổ (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam ngày nay) thực hiện. Chuyên khảo đầu tiên nghiên cứu về văn hoá Sa Huỳnh do H. Parmentier công bố vào năm 1924 dựa trên kết quả cuộc đào bới phi khoa học tại Sa Huỳnh vào năm 1923. Tiếp đó, thời điểm những năm 30, của thế kỷ 20 là một số đợt nghiên cứu, khai quật của M. Colani (1934), O. Jansé (1939)... tại một số địa điểm trong hai tỉnh

Quảng Ngãi, Bình Định...

Các học giả nước ngoài đã làm công việc phát hiện và nghiên cứu bước đầu về văn hoá Sa Huỳnh. Những công trình nghiên cứu của họ có những đóng góp đáng kể, song cũng còn nhiều sai sót, hạn chế về xử lý di tích, di vật. Họ mới chỉ dừng lại ở việc phát hiện trên địa bàn hẹp, mới phát hiện và chú ý đến các khu mộ táng mà chưa quan tâm tới các dấu tích cư trú của người Sa Huỳnh. Cộng với những hạn chế về quan điểm, nên đã có những nhận xét, đánh giá thiếu sức thuyết phục, như coi văn hoá Sa Huỳnh thuộc thời đại đá mới, phỏng đoán về nguồn gốc ngoại lai của văn hoá Sa Huỳnh hoặc cho rằng, người Sa Huỳnh là dân di cư kiếm ăn trên biển, chỉ ghé vào bờ để mai táng người thân quá cố...

- Giai đoạn từ 1954 đến 1975.

Nét nổi bật của giai đoạn này là việc phát hiện nhiều di tích mộ chum tại các đôn điền cao su của người Pháp, quanh thị trấn Xuân Lộc. Các nhà địa chất Pháp, E. Saurin, H. Fontaine, với sự trợ giúp của Hoàng Thị Thân (một tác giả có nhiều nghiên cứu về Văn hoá Sa Huỳnh từ trước những năm 1975) đã có nhiều đợt nghiên cứu, khai quật mang tính chất chữa cháy tại các địa điểm Phú Hoà, Dầu Giây, Hàng Gòn và đã công bố một số chuyên khảo cho thấy sự lan tỏa của văn hoá Sa Huỳnh vào rất sâu trong vùng Đông Nam Bộ. Những niên đại C14 của mẫu vật Sa Huỳnh, lần đầu công bố, nằm trong khoảng 2500 cộng/trừ 250 năm đến 2100

* PHÓ GIÁM ĐỐC

BẢO TÀNG LỊCH SỬ VIỆT NAM

cộng/trừ 150 năm (tính đến năm 1950) cho thấy, các di tích mộ chum Sa Huỳnh thuộc sơ kỳ thời đại đồ sắt.

Trong 2 giai đoạn này, tri thức về văn hoá Sa Huỳnh được tích lũy vô cùng chậm chạp, như nhận định của Giáo sư Hà Văn Tấn.

- Giai đoạn từ 1975 tới nay.

Giai đoạn này chủ yếu do các nhà Khảo cổ học Việt Nam thực hiện, sau ngày miền Nam giải phóng, Việt Nam thống nhất (1975). Các nhà Khảo cổ học Việt Nam thuộc nhiều cơ quan nghiên cứu khác nhau: Viện Khảo cổ học, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Khoa Sử thuộc Trường Đại học tổng hợp (nay là Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn), Trung tâm Khảo cổ học Miền Nam phối hợp cùng các Bảo tàng tỉnh, thành phố đã tiến hành khảo sát, phục tra, khai quật lại hầu hết các địa điểm thuộc văn hoá Sa Huỳnh đã được nghiên cứu trong các giai đoạn trước, đồng thời phát hiện, nghiên cứu khai quật hàng loạt địa điểm mới trên địa bàn từ Hà Tĩnh tới lưu vực sông Đồng Nai theo trục Bắc- Nam và từ đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi) đến Tây Nguyên theo trục Đông- Tây.

Cho đến nay, trên 100 di tích thuộc văn hoá Sa Huỳnh đã được phát hiện. Hàng chục địa điểm đã được nghiên cứu khai quật, ít nhất đã có 3 cuộc hội thảo quốc gia về văn hoá Sa Huỳnh đã được tổ chức vào các năm 1981, 1995 và 1999 tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam và Hội An, trung tuần tháng 7, hội thảo quốc tế về Văn hóa Sa Huỳnh đã được tổ chức ở Quảng Ngãi, với hàng trăm báo cáo khoa học, luận án tiến sĩ, đề tài khoa học cấp Bộ đã được thực hiện và công bố. Qua đó sự hiểu biết của chúng ta về văn hoá Sa Huỳnh thực sự được mở rộng và nâng cao.

3- Một trong những vấn đề cơ bản là nguồn gốc của văn hoá Sa Huỳnh đã được các nhà nghiên cứu Việt Nam khẳng định. Ngót 20 di tích ở Nam Trung Bộ có niên đại sớm đã được phát hiện. Các nhà nghiên cứu phân thành các giai đoạn hoặc nhóm di tích khác nhau, được gọi là tiền Sa Huỳnh. Đó chính là những dòng chảy, văn hoá phát triển lên đỉnh cao Sa Huỳnh vào thời đại sắt. Trong đó, các nhà nghiên cứu đã chứng minh được những dòng chảy phát triển trực tiếp lên văn hoá Sa Huỳnh như "Long Thạnh- Sa Huỳnh, Bình Châu- Sa Huỳnh"... Khẳng định chắc chắn nguồn gốc bản địa của

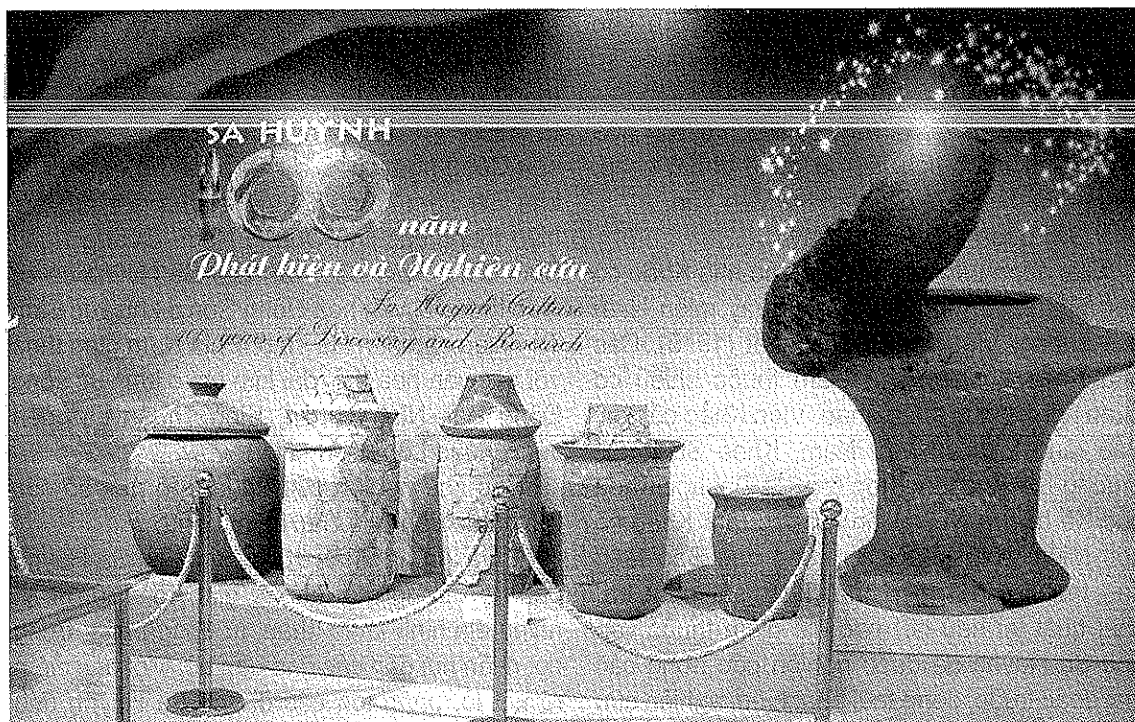
nền văn hoá này.

4- Văn hoá Sa Huỳnh là một nền văn hoá cổ thuộc sơ kỳ thời đại đồ sắt, tồn tại trong khoảng từ thế kỷ V trước Công nguyên đến thế kỷ I, II sau Công nguyên. Địa bàn phân bố chủ yếu ở khu vực Nam Trung Bộ Việt Nam mà trung tâm hiện thuộc các tỉnh Quảng Nam- Quảng Ngãi- Bình Định. Phía Bắc, văn hoá Sa Huỳnh có sự giao thoa với văn hoá Đông Sơn ở khu vực Bình Trị Thiên cho đến Hà Tĩnh. Phía Nam giao thoa với các văn hoá thời đại kim khí ở lưu vực sông Đồng Nai, Ninh Thuận, Bình Thuận cho đến vùng Xuân Lộc (Đồng Nai).

Các nhà nghiên cứu đã làm rõ một số đặc trưng của văn hoá Sa Huỳnh, như:

+ Đặc trưng phân bố: các di tích Sa Huỳnh phân bố trong một không gian rộng lớn, trên nhiều địa hình khác nhau, từ đồng bằng, trung du, miền núi đến các đảo gần bờ. Một đặc điểm rõ nét là, phần lớn các di tích Sa Huỳnh đều nằm trên cồn cát cạnh các dòng chảy lớn/nhỏ. Có nhận xét cho rằng, các di tích Sa Huỳnh ở miền Trung, thường gắn với các địa hình cồn, bãi. Nhận xét này rất đúng với dạng địa hình, địa danh hiện tại. Qua điển dã nghiên cứu vào mùa mưa lũ ở miền Trung, chúng tôi nhận thấy, nhiều địa danh bãi là dấu tích còn lại của các dòng chảy cổ.

+ Đặc trưng di tích: mộ táng là đặc trưng điển hình của văn hoá Sa Huỳnh. Có ba loại hình mộ táng: mộ chum, mộ nổi chôn úp nhau và mộ đất, trong đó, mộ chum chiếm số lượng lớn nhất và đặc trưng nhất. Mộ chum Sa Huỳnh có các dạng chính: chum hình trụ, chum hình trứng, chum trung gian giữa hình trụ và hình trứng, chum hình cầu... Thân chum thường có nắp hình nón cụt, đáy bằng; loại gần hình chóp nón, đáy gần nhọn; loại hình cầu, đáy lòng chảo... Có một số lượng nhỏ mộ có chum chôn lồng nhau. Kích thước chum khá đa dạng, chum lớn nhất có chiều cao tới 1.8m, đường kính 1m, đa phần cao dưới 1m, đường kính 50 - 60cm. Quy mô cũng như phân bố các mộ trong di tích Sa Huỳnh cũng rất khác nhau, có những bãi mộ có hàng trăm chiếc, như ở Thạch Đức, Phú Khương, Sa Huỳnh- Quảng Ngãi. Kỷ lục có lẽ là ở di tích Cồn Ràng (Thừa Thiên Huế) đã phát hiện 207 mộ chum và 6 mộ đất, trên diện tích khai quật 2200 m². Nhưng cũng có những di tích chỉ phát hiện vài ba mộ. Các



Ảnh: Tác giả

mộ chum thường không chôn theo "quy luật", nhưng rất hiếm trường hợp mộ cắt phá nhau.

+ Đặc trưng di vật: các di vật của văn hoá Sa Huỳnh phần lớn là đồ tùy táng được chôn theo các ngôi mộ trong các di tích Sa Huỳnh. Dựa theo chất liệu, công dụng, có thể chia thành một số nhóm sau:

- Đồ gốm Sa Huỳnh khá đa dạng, có những loại hình rất đặc trưng, hầu như chỉ mới được phát hiện trong các di tích Sa Huỳnh (đền Sa Huỳnh). Các bình gốm Sa Huỳnh cũng rất đặc trưng, với đường gấp khúc giữa thân và đáy. Các loại hình đồ gốm khác như bát bông, nồi... cũng có những đặc điểm riêng để nhận biết qua dáng, màu sắc và hoa văn trang trí. Hoa văn trang trí trên gốm Sa Huỳnh khá phong phú và tạo được phong cách riêng khi kết hợp với cả mảng tô màu đỏ, vàng và đặc biệt là màu đen ánh chì, tạo nên những tác phẩm hài hoà và đẹp mắt.

- Hiện vật kim loại trong văn hoá Sa Huỳnh có đồ đồng và sắt.

Đồ đồng trong văn hoá Sa Huỳnh như rìu, giáo, dao găm, gương đồng, đa phần là những sản phẩm được cho là giao lưu từ văn hoá Đông Sơn và các văn hoá khác ở phía Bắc.

Đồ sắt, mới là đặc trưng của văn hoá Sa

Huỳnh. Các nghiên cứu đã chứng minh, người Sa Huỳnh đã luyện được sắt trong những lò luyện thủ công, theo phương pháp hoàn nguyên, sắt có chất lượng khá cao và ít tạp chất. Với kỹ thuật chế tạo đồ sắt chủ đạo là rèn nóng, người Sa Huỳnh đã chế tạo những sản phẩm sắt đa dạng, với chất lượng cao, gồm: kiếm, giáo, lao, rìu, thuổng, xà beng, cuốc, dao quắm, liềm... Vũ khí công cụ sắt của người Sa Huỳnh khá sắc bén và đạt hiệu quả cao trong lao động và chiến đấu.

- Đồ trang sức trong văn hoá Sa Huỳnh khá đa dạng về chất liệu và loại hình. Loại hình trang sức Sa Huỳnh chủ yếu có: hạt chuỗi, khuyên tai, vòng đeo tay, với chất liệu chủ yếu là đá, thuỷ tinh, số ít là kim loại quý.

Nói đến đồ trang sức của văn hoá Sa Huỳnh, đầu tiên phải kể đến khuyên tai hai đầu thú. Với cấu tạo tương đối phức tạp và độc đáo, các nhà nghiên cứu đều cho rằng, khuyên tai hai đầu thú là sản phẩm đặc trưng độc đáo của văn hoá Sa Huỳnh, do người Sa Huỳnh sáng tạo. Cùng với khuyên tai hai đầu thú là khuyên tai 3 mấu. Hai loại khuyên tai trên được chế tác bằng đá và thuỷ tinh, hiện số lượng phát hiện cũng không phải là nhiều. Số lượng nhiều nhất về đồ trang sức trong văn hoá Sa Huỳnh là hạt

chuỗi bằng mã nã, đá gate. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, chúng có nguồn gốc từ Ấn Độ. Chúng là những hiện vật điển hình thể hiện cho mối quan hệ buôn bán với thế giới bên ngoài của cư dân Sa Huỳnh.

5- Qua đặc trưng về sự phân bố, di tích, di vật của văn hoá Sa Huỳnh chúng ta có thể thấy được sự đa dạng trong phương thức khai thác kinh tế của cư dân văn hoá Sa Huỳnh. Kinh tế nông nghiệp của cư dân Sa Huỳnh khá đa dạng trên nhiều loại địa hình, với nhiều hình thức canh tác trên ruộng nước, nương rẫy với các loại lúa, rau củ, hoa màu khác nhau, kết hợp với khai thác thuỷ, hải sản và chăn nuôi. Sự phát triển mạnh của các nghề thủ công như làm gốm, nghề luyện kim, nghề chế tác đồ trang sức bằng đá và thuỷ tinh... cho thấy, có

nhiều khả năng cư dân Sa Huỳnh đã dần tách khỏi cơ cấu kinh tế nông nghiệp thuần túy và đạt tới trình độ phát triển cao trong khu vực. Đặc biệt nghề khai thác lâm, hải sản với những đặc sản nổi tiếng ở miền Trung như trầm hương, ngọc trai... đã tạo được nguồn sản phẩm dồi dào để trao đổi, buôn bán với các tàu buôn nước ngoài trên con đường buôn bán lớn trên biển nối Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương trong nhiều thế kỷ trước và sau Công nguyên.

Cùng với các đỉnh cao văn hoá Đông Sơn ở Miền Bắc, Óc Eo ở Miền Nam, đỉnh cao văn hoá Sa Huỳnh là cơ sở để hình thành nhà nước cổ đại đầu tiên ở miền Trung Việt Nam: nhà nước Lâm Ấp- Chăm-pa.

V.Q.H

QUỐC HỘI THÔNG QUA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT DI SẢN VĂN HÓA

Sáng 18/6/2009, Quốc hội khóa XII, Kỳ họp thứ 5 đã biểu quyết thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa.

Dưới sự điều khiển của Phó Chủ tịch Tổng Thị Phóng, Quốc hội đã nghe Báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do đồng chí Đào Trọng Thi, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội trình bày.

Ngay sau đó, Quốc hội đã tiến hành biểu quyết. Do Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa có một số vấn đề còn những ý kiến khác nhau nên Quốc hội đã tiến hành biểu quyết theo trình tự như sau:

1- Biểu quyết 4 điều còn có ý kiến khác nhau- kết quả như sau:

- Điều 26: Về chính sách đãi ngộ của Nhà nước đối với nghệ nhân có tài năng xuất sắc, nắm giữ và có công bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể: 92,9% số đại biểu tán thành.

- Điều 32: Về các khu vực bảo vệ di tích: 91,48% số đại biểu tán thành.

- Điều 38: Về cấp giấy phép thăm dò khai quật khảo cổ và cấp giấy phép khai quật khẩn cấp: 89,45% số đại biểu tán thành.

- Điều 47: Về phân loại bảo tàng: 88,84% số đại biểu tán thành.

2- Biểu quyết toàn văn Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa: Kết quả, 91,89% số đại biểu biểu quyết thông qua dự Luật.

Như vậy, tuy triển khai với thời gian vật chất eo hẹp nhưng Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa đã được soạn thảo nghiêm túc, dân chủ, tranh thủ được cao nhất sự đóng góp trí tuệ của các tổ chức, cá nhân và thực hiện đúng quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Dự Luật được Quốc hội thông qua với tỷ lệ tán thành rất cao sẽ tạo cơ sở pháp luật cho việc xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa được hoàn chỉnh và đồng bộ, đáp ứng những yêu cầu cấp bách do thực tế sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của đất nước đang đặt ra./

ĐINH PHONG